Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐĂK RVE
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

UBND XÃ ĐĂK RVE

Biểu số 01/...XHN

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH NĂM 2026 THÁNG 10

(Kèm theo Công văn số.590/UBND-TH ngày.18.11/2026 của UBND xã Đăk Rve)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Vốn kế hoạch				Lũy kế vốn giải ngân từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề							Ước lũy kế vốn giải ngân từ đầu năm đến hết tháng báo cáo			Ghi chú
		Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm		Tổng số	Giải ngân vốn kế hoạch kéo dài			Giải ngân vốn kế hoạch năm			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch UBND tỉnh giao	Kế hoạch cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã giao		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Giải ngân vốn kế hoạch kéo dài	Giải ngân vốn kế hoạch năm	
								Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi				
1	2	3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16	
	Tổng số		**841.09**		-		-	-	-			-		-		
A	**PHẦN SỐ LIỆU TỔNG HỢP**	**10,996.58**	**841.09**	**10,155.50**	**-**	**2,827.00**	**-**	**-**	**-**	**2,827.00**	**2,827.00**	**-**	**2,836.15**	**-**	**2,836.15**	
	Vốn trong nước	10,996.58	841.09	10,155.50	-	2,827.00	-	-	-	2,827.00	2,827.00	-	2,836.15	-	2,836.15	
	Vốn nước ngoài															
A.I	**Vốn NSNN**	10,996.58	841.09	10,155.50	-	2,827.00	-	-	-	2,827.00	2,827.00	-	2,836.15	-	2,836.15	
I	**Vốn cân đối ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp xã)**	**3,334.50**	**-**	**3,334.50**	**-**	**2,827.00**	**-**	**-**	**-**	**2,827.00**	**2,827.00**	**-**	**2,836.15**	**-**	**2,836.15**	
	Trong đó:															
1	Vốn XDCB tập trung	2,850.00	-	2,850.00		**2,827.00**	-	-		2,827.00	2,827.00		2,836.15	-	**2,836.15**	
2	Vốn xổ số kiến thiết															
3	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	484.50		484.50												*Chưa phát sinh số thu*
4	Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương															
5	Vốn NSĐP bổ sung ngoài kế hoạch được giao	-		-	-					-	-		-		-	
II	**Vốn ngân sách trung ương**	**7,662.09**	**841.09**	**6,821.00**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Trong đó:															
1	**Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực**															
	Vốn trong nước															
	Vốn nước ngoài															
2	**Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia**	**7,662.09**	**841.09**	**6,821.00**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
a	**Chương trình MTQG nông thôn mới**															
	Vốn trong nước	-	-			**-**	-	-					-	-		
	Vốn nước ngoài															
b	**Chương trình MTQG phát triển KTXH ĐBDTTS**	**5,191.09**	**841.09**	**4,350.00**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Vốn trong nước	5,191.09	841.09	4,350.00		**-**	-	-					-	-		
	Vốn nước ngoài															
c	**Chương trình MTQG về phát triển văn hoá**	**2,471.00**	**-**	**2,471.00**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Vốn trong nước	2,471.00	-	2,471.00		**-**	-	-					-	-		
	Vốn nước ngoài															
3	**Vốn nước ngoài**															
a	Giải ngân theo cơ chế trong nước															
b	Ghi thu, ghi chi															
4	**Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao**															
A.II	**Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định**															
B	**PHẦN SỐ LIỆU CHI TIẾT**															
B.2	**Dự án do cấp xã quản lý**															
B.2.1	**Vốn NSNN**															
I	**Vốn cân đối ngân sách địa phương**	**3,334.50**	**-**	**3,334.50**	**-**	**2,827.93**	**-**	**-**	**-**	**2,827.93**	**2,827.93**	**-**	**2,836.15**	**-**	**2,836.15**	
1	**Vốn XDCB tập trung**	**2,850.00**	**-**	**2,850.00**	**-**	**2,827.93**	**-**	**-**	**-**	**2,827.93**	**2,827.93**	**-**	**2,836.15**	**-**	**2,836.15**	
1.1	**Vốn tỉnh phân cấp cho các địa phương**	**2,850.00**	**-**	**2,850.00**	**-**	**2,827.93**	**-**	**-**	**-**	**2,827.93**	**2,827.93**	**-**	**2,836.15**	**-**	**2,836.15**	-
1	Sửa chữa, nâng cấp Sân vận động trung tâm xã Đăk Rve	950.00		950.00	-	**944.49**				944.49	944.49		945.30		945.30	
2	Sửa chữa trụ sở Công an xã Đăk Rve và các hạng mục phụ trợ (Hạng mục: Bếp ăn, nhà xe)	190.0		190.00		**187.41**				187.41	187.41		188.50		188.50	

STT	Nội dung	Vốn kế hoạch				Lũy kế vốn giải ngân từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề							Ước lũy kế vốn giải ngân từ đầu năm đến hết tháng báo cáo			Ghi chú
		Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm		Tổng số	Giải ngân vốn kế hoạch kéo dài			Giải ngân vốn kế hoạch năm			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch UBND tỉnh giao	Kế hoạch cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã giao		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Giải ngân vốn kế hoạch kéo dài	Giải ngân vốn kế hoạch năm	
								Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi				
1	2	3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16	
3	Sửa chữa trụ sở BCH Quân sự xã Đăk Rve và các hạng mục phụ trợ (Hạng mục: Cổng + Tường rào)	95.00		95.00		**92.96**				92.96	92.96		95.00		95.00	
4	Nâng cấp sửa chữa trụ sở Ủy ban Mặt trận TQVN xã Đăk Rve (Hạng mục: trụ sở làm việc; Cổng + tường rào)	665.00		665.00		**654.06**				654.06	654.06		657.85		657.85	
5	Nâng cấp sửa chữa trụ sở Đảng uỷ xã Đăk Rve	950.00		950.00		**949.00**				949.00	949.00		949.50		949.50	
1.2	**Vốn do cấp xã tự bố trí**															
2	**Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất**	**484.50**	**-**	**484.50**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Đầu tư hệ thống điện từ đầu cổng chào vào xã Đăk Rve	484.50		484.50	-	-				-	-		-		-	
3	**Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách cấp xã**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1																
4	**Vốn bổ sung ngoài kế hoạch được giao (nếu có)**															
II	**Vốn ngân sách trung ương**	**7,662.09**	**841.09**	**6,821.00**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**3,447.94**	**378.49**	**3,069.45**	
	Vốn trong nước	7,662.09	841.09	6,821.00	-	-	-	-	-	-	-	-	3,447.94	378.49	3,069.45	
	Vốn nước ngoài															
1	**Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực**															
	Dự án….															
2	**Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia**	**7,662.09**	**841.09**	**6,821.00**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**3,447.94**	**378.49**	**3,069.45**	
	Vốn trong nước	7,662.09	841.09	6,821.00	-	-	-	-	-	-	-	-	3,447.94	378.49	3,069.45	
	Vốn nước ngoài					-							-			
2.2	**Chương trình MTQG phát triển văn hoá**	**2,471.00**	**-**	**2,471.00**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	1,111.95	**-**	**1,111.95**	
a	Vốn trong nước	2,471.00		2,471.00	-	-	-	-	-	-	-	-	1,111.95	-	1,111.95	*Nộp trả. Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 28/8/2026 của UBND xã Đăk Kôi*
1	Dự án nâng cấp, sửa chữa hội trường thôn Kon Vang và các hạng mục phụ trợ	1,671.00		1,671.00									751.95		751.95	
2	Dự án sửa chữa hội trường thôn Đăk Rve và các hạng mục phụ trợ	800.00		800.00									360.00		360.00	
b	Vốn nước ngoài												-			
2.3	**Chương trình MTQG phát triển KTXH ĐBDTTS**	**5,191.09**	**841.09**	**4,350.00**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	2,335.99	**378.49**	**1,957.50**	
a	Vốn trong nước												-			
1	*Nâng cấp, cải tạo chợ trung tâm xã Đăk Rve*	*1,550.00*		*1,550.00*		-	-	-					697.50	-	*697.50*	
2	*Ngầm tràn Đăk Puih*	*2,800.00*		*2,800.00*									1,260.00		*1,260.00*	*Đang thi công*
3	*Đường đi khu sản xuất thôn Kon Cheo Leo(đoạn nối tiếp)*	*841.09*	*841.09*										378.49	*378.49*	-	
b	Vốn nước ngoài															
3	**Vốn nước ngoài**															
3.1	**Giải ngân theo cơ chế trong nước**															
	Dự án…..															
3.2	**Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi**															
	Dự án…..															
4	**Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao**															
	Dự án….															
B.2.2	**Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định**															